

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TMT23B3
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	Tin học văn phòng(3)	Kỹ năng mềm(2)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	An toàn vệ sinh công nghiệp(2)	Kỹ thuật đo lường(2)	Kiến trúc máy tính(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2354801024370	Nguyễn Văn Hoàn	Anh	31/08/2008	6.5	5.5	8.9	5.8	7.1	8.0	6.3	7.2	6.9	Trung bình
02	2354801024372	Nguyễn Văn	Bồn	03/11/2008	7.8	5.6	9.3	6.0	8.9	5.5	5.8	7.5	7.0	Khá
03	2354801024374	Lê Minh	Dư	16/12/2008	7.9	5.9	9.1	5.5	8.6	5.5	7.2	7.9	7.2	Khá
04	2354801024375	Huỳnh Tấn	Đạt	24/04/2008	7.1	6.3	8.7	7.1	9.4	7.8	7.2	7.7	7.6	Khá
05	2354801024376	Nguyễn Hoàng	Giang	23/07/2008	7.9	7.5	8.6	5.6	8.9	8.6	9.2	8.6	8.1	Giỏi
06	2354801024377	Nguyễn Phước	Hậu	16/08/2008	6.4	6.6	8.9	5.4	8.0	6.2	6.7	7.3	7.0	Khá
07	2354801024378	Trương Văn	Hòa	21/06/2002	9.0	9.1	9.7	9.2	9.1	9.2	9.4	8.8	9.2	Xuất sắc
08	2354801024379	Nguyễn Đức	Hòa	09/05/2008	5.9	5.0	9.2	4.9	6.8	5.0	4.7	6.7	6.1	Trung bình
09	2354801024380	Dương Văn	Huy	08/12/2008	8.4	5.4	9.3	6.9	8.5	7.8	8.0	7.9	7.6	Khá
10	2354801024381	Hồ Hữu	Hưng	06/09/2008	3.3	2.2	3.0	2.0	2.7	2.8	0.0	3.1	2.4	Yếu
11	2354801024382	Nguyễn	Kha	12/03/2007	8.1	6.9	9.5	7.0	8.3	8.4	8.6	7.6	8.0	Giỏi
12	2354801024383	Nguyễn Ngọc Dương	Khang	26/05/2008	5.4	6.4	8.8	2.5	7.1	5.4	5.0	7.7	6.2	Trung bình
13	2354801024384	Trần Phú Gia	Khang	28/02/2008	7.8	5.8	9.8	6.0	7.9	7.7	8.3	8.2	7.6	Khá
14	2354801024385	Cao Văn	Khanh	11/06/2008	9.2	6.7	9.6	8.7	7.1	9.3	9.3	5.7	8.1	Giỏi
15	2354801024386	Trần Đăng	Khoa	08/11/2008	8.3	6.4	9.6	6.7	6.6	8.0	6.5	7.6	7.5	Khá
16	2354801024387	Nguyễn Trọng	Nam	07/01/2008	8.0	5.1	6.5	7.3	9.0	8.0	8.2	7.7	7.2	Khá
17	2354801024388	Bùi Vĩnh	Nguyên	14/06/2008	7.3	5.0	7.5	5.5	4.0	5.9	4.5	5.9	5.7	Trung bình
18	2354801024389	Nguyễn Hoàng	Phú	16/03/2008	7.7	5.7	8.8	6.6	8.6	7.2	9.2	8.4	7.6	Khá
19	2354801024391	Võ Phước	Sang	18/09/2008	7.2	5.5	9.6	6.2	7.3	6.6	7.0	7.8	7.1	Khá
20	2354801024393	Nguyễn Minh	Triết	16/12/2008	6.6	5.6	8.1	6.9	5.9	7.7	9.2	7.7	7.1	Khá
21	2354801024394	Quách Nhựt	Trường	01/12/2008	8.2	5.3	9.3	8.0	8.2	6.0	6.4	7.9	7.3	Khá

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	Tin học văn phòng(3)	Kỹ năng mềm(2)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	An toàn vệ sinh công nghiệp(2)	Kỹ thuật đo lường(2)	Kiến trúc máy tính(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2354801024395	Nguyễn Hoàng	Tuân	17/10/2007	6.8	1.0	7.7	1.9	7.4	7.6	5.3	6.6	5.2	Trung bình
23	2354801024396	Lê Hùng	Vĩ	17/07/2005	8.0	5.2	9.6	5.6	7.6	7.0	9.2	7.6	7.3	Khá
24	2354801024397	Trần Minh	Vương	03/05/2003	9.1	7.9	9.8	8.8	9.1	9.7	9.3	7.9	8.9	Giỏi
25	2354801025273	Tô Minh	Nhật	15/09/2008	6.0	5.5	9.5	8.3	7.7	8.4	8.7	7.4	7.6	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 15 tháng 03 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái